

Số: 2288/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 16 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về xác định Chỉ số cải cách hành chính và Bộ Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số CCHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 402/TTr-SNV ngày 19/7/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xác định Chỉ số cải cách hành chính và Bộ Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 04/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính và Bộ Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /..w

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND cấp huyện sao gửi UBND cấp xã;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- CV: HCTC<sup>Dúc</sup>;
- Lưu: VT, CVNC<sup>NH</sup>.



Nguyễn Văn Phóng



**QUY ĐỊNH**

**Về xác định Chỉ số cải cách hành chính và Bộ Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên)

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

Quy định này quy định việc theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (sau đây viết tắt là CCHC) của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện) và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là UBND cấp xã) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

**Điều 2. Mục đích, yêu cầu**

**1. Mục đích**

a) Xác định Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan, công bằng kết quả triển khai các nhiệm vụ CCHC hàng năm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Giúp UBND tỉnh theo dõi, phát hiện và chỉ đạo khắc phục kịp thời những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện công tác CCHC; xác định rõ những lĩnh vực, nội dung thực hiện tốt hoặc chưa tốt, từ đó tìm ra giải pháp và cách thức điều hành phát triển kinh tế - xã hội và quản lý hành chính trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu lực, hiệu quả.

c) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức về công tác CCHC trong từng cơ quan.

d) Thông qua xác định Chỉ số CCHC, các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan, đơn vị trong công tác CCHC phù hợp với tình hình chung của cả nước, của tỉnh; chủ động đánh giá được kết quả thực hiện của cơ quan, đơn vị mình, từ đó có giải pháp khắc phục những hạn chế, đồng thời biết được kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị khác để so sánh, học tập.

**2. Yêu cầu**

a) Đánh giá thực chất, khách quan kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

b) Đánh giá toàn diện các lĩnh vực chủ yếu của CCHC, bao gồm các lĩnh vực được xác định trong Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016 - 2020 và Kế hoạch CCHC hàng năm của UBND tỉnh.

c) Đảm bảo tính kịp thời của việc đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC hàng năm để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả CCHC.

d) Bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; không đưa vào đánh giá những tiêu chí mang tính đặc thù của từng sở, ngành hoặc các tiêu chí tạo ra sự phân biệt lớn giữa các địa phương.

đ) Tăng cường sự tham gia của cá nhân, tổ chức đối với việc đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị.

e) Hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh tới cấp huyện, cấp xã.

g) Tổ chức Hội nghị công bố công khai Chỉ số CCHC.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG, CÁCH TÍNH ĐIỂM**

### **XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

#### **Điều 3. Nội dung và thang điểm đánh giá**

1. Việc xác định Chỉ số CCHC được thực hiện theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần với các điểm số cụ thể của từng cấp kèm theo Quyết định này, gồm:

a) Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành (*Phụ lục 1*);

b) Chỉ số CCHC của UBND các huyện, thành phố (*Phụ lục 2*);

c) Chỉ số CCHC của UBND các xã, phường, thị trấn (*Phụ lục 3*).

2. Nội dung Bộ Chỉ số CCHC gồm 2 phần chính:

a) Đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC theo các nội dung sau:

- Công tác chỉ đạo, điều hành công tác CCHC;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật;
- Cải cách thủ tục hành chính;
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước;
- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;
- Cải cách tài chính công;
- Hiện đại hóa nền hành chính;
- Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông
- Điểm thưởng;
- Điểm trừ.

b) Điều tra xã hội học đánh giá tác động CCHC.

3. Thang điểm được tính là 100 điểm, trong đó:

a) Điểm tự đánh giá, thẩm định: 85 điểm.

b) Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học: 15 điểm.

#### **Điều 4. Cách tính và chấm điểm**

1. Trên cơ sở thang điểm chuẩn của từng tiêu chí, tiêu chí thành phần, các cơ quan, đơn vị căn cứ vào kết quả, mức độ thực hiện nhiệm vụ trong năm thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ để tự chấm điểm cho từng nội dung và có tài liệu kiểm chứng kèm theo. Cách tính mức điểm cụ thể của từng tiêu chí, tiêu chí thành phần được thực hiện theo hướng dẫn chấm điểm do Sở Nội vụ xây dựng, trong đó:

a) Đối với các nhiệm vụ cơ quan, đơn vị hoàn thành có hiệu quả thì chấm điểm tối đa theo thang điểm quy định;

b) Đối với nhiệm vụ cơ quan, đơn vị đã triển khai nhưng chưa hoàn thành hoặc chưa đạt được kết quả theo yêu cầu đề ra thì chấm theo tỷ lệ đạt được của công việc theo thang điểm quy định;

c) Đối với nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị mà không triển khai thực hiện hoặc triển khai không theo quy định thì chấm điểm 0 (không).

*(Riêng phần chấm điểm thông qua điều tra xã hội học sẽ do cơ quan tổ chức điều tra thực hiện, các cơ quan không tự chấm điểm phần này).*

2. Phương pháp tính điểm:

Tổng điểm của cơ quan, đơn vị = Tổng điểm thẩm định của từng tiêu chí, tiêu chí thành phần + tổng điểm thưởng + điểm điều tra xã hội học – tổng điểm trừ.

### **Chương III**

#### **QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

##### **Điều 5. Quy trình đánh giá xác định Chỉ số CCHC**

1. Các cơ quan, đơn vị tự đánh giá và chấm điểm kết quả thực hiện CCHC theo Bộ Chỉ số CCHC:

a) Hàng năm, các cơ quan, đơn vị căn cứ Bộ Chỉ số CCHC ban hành tại Quyết định này, hướng dẫn của Sở Nội vụ và kết quả thực hiện tại cơ quan, đơn vị để tự đánh giá, chấm điểm trên từng tiêu chí, tiêu chí thành phần. Điểm các cơ quan, đơn vị tự đánh giá được thể hiện tại cột “Điểm tự đánh giá”.

Đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng chưa thể hiện hết nội dung đánh giá, chấm điểm, đơn vị phải có thuyết minh, giải trình cụ thể trong báo cáo đánh giá (cột ghi chú) hoặc bằng văn bản chú thích kèm theo về cách đánh giá, tính điểm.

Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC phải thể hiện đầy đủ số điểm thực tế của từng tiêu chí, tiêu chí thành phần, tổng số điểm đạt được; đồng thời cung cấp đầy đủ các tài liệu kiểm chứng chứng minh cho các kết quả đạt được theo đúng yêu cầu.

b) Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện: Xây dựng báo cáo tự chấm điểm kèm theo tài liệu kiểm chứng gửi về Sở Nội vụ.

c) UBND cấp xã: Xây dựng báo cáo tự chấm điểm kèm theo tài liệu kiểm chứng gửi về UBND cấp huyện.

## 2. Thẩm định kết quả tự đánh giá:

a) Thành lập Tổ thẩm định kết quả đánh giá, chấm điểm thực hiện công tác CCHC đối với các cơ quan, đơn vị; xem xét trên cơ sở tài liệu kiểm chứng và kết quả theo dõi của từng cơ quan chủ quản. Kết quả điểm do Tổ thẩm định quyết định được thể hiện tại cột “Điểm thẩm định”.

Tổ thẩm định kết quả tự đánh giá của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện do Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở: Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ thành lập (gọi tắt là Tổ thẩm định cấp tỉnh).

Tổ thẩm định kết quả tự đánh giá của UBND cấp xã do UBND cấp huyện thành lập gồm đại diện lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn phụ trách các lĩnh vực trong công tác CCHC thuộc UBND cấp huyện (gọi là Tổ thẩm định cấp huyện).

## b) Căn cứ để thẩm định gồm:

- Báo cáo tự đánh giá kết quả CCHC của các cơ quan, đơn vị;
- Hồ sơ, tài liệu để kiểm chứng cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC;
- Thông tin, số liệu có liên quan từ các cơ quan chuyên môn cung cấp, gồm các Sở: Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Tư pháp, các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và các cơ quan khác có liên quan.

## 3. Thực hiện điều tra xã hội học:

a) Số nhóm tiêu chí đánh giá qua điều tra xã hội học là 8, tương ứng với các tiêu chí tự đánh giá kết quả CCHC của các cơ quan, đơn vị. Sở Nội vụ chủ trì thực hiện điều tra xã hội học đánh giá kết quả thực hiện tại các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện; UBND cấp huyện thực hiện điều tra xã hội học đánh giá kết quả thực hiện tại UBND cấp xã theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong các phụ lục. Việc điều tra xã hội học được tiến hành để lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau:

- Đối với các sở, ban, ngành, điều tra các nhóm đối tượng: Lãnh đạo UBND cấp huyện; trưởng, phó các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện; cá nhân, tổ chức trong năm đã tham gia giải quyết TTHC tại cơ quan, đơn vị.

- Đối với UBND cấp huyện, điều tra các nhóm đối tượng: Thường trực, trưởng, phó các ban của HĐND cấp xã; lãnh đạo UBND cấp xã; công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã; cá nhân, tổ chức trong năm đã tham gia giải quyết TTHC tại cơ quan, đơn vị (*Mỗi huyện chọn 03 xã đại diện cho các nhóm có mức phát triển kinh tế cao - trung bình - thấp*).

- Đối với UBND cấp xã, điều tra các nhóm đối tượng: Thường trực, trưởng, phó các ban HĐND cấp huyện; lãnh đạo UBND cấp huyện; trưởng, phó các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện; trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố các xã, phường, thị trấn; các cá nhân, tổ chức trong năm đã tham gia giải quyết TTHC tại đơn vị.

b) Điểm điều tra xã hội học được tính theo phương pháp bình quân.

#### 4. Tổng hợp kết quả xác định Chỉ số CCHC:

Tổ thẩm định cấp tỉnh tổng hợp, trình UBND tỉnh và Tổ thẩm định cấp huyện tổng hợp, trình UBND cấp huyện kết quả xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

#### 5. Xếp hạng kết quả Chỉ số CCHC hàng năm:

Việc xếp hạng kết quả thực hiện công tác CCHC đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh được tính trên cơ sở tổng điểm của các tiêu chí (bao gồm cả các tiêu chí đánh giá theo kết quả điều tra xã hội học) được xếp theo thứ tự từ cao đến thấp và được xếp hạng như sau:

- Nhóm đạt điểm xuất sắc: Từ 90 đến 100 điểm;
- Nhóm đạt điểm tốt: Từ 80 đến dưới 90 điểm;
- Nhóm đạt điểm khá: Từ 70 đến dưới 80 điểm;
- Nhóm đạt điểm trung bình: Từ 60 đến dưới 70 điểm;
- Nhóm đạt điểm yếu: Dưới 60 điểm.

#### 6. Công bố kết quả xếp hạng Chỉ số CCHC:

a) Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện hàng năm do Chủ tịch UBND tỉnh công bố sau khi có ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định cấp tỉnh trên cơ sở tổng hợp điểm đánh giá chung do Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp thực hiện.

b) Chỉ số CCHC của UBND cấp xã hàng năm do Chủ tịch UBND cấp huyện công bố sau khi có ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định cấp huyện trên cơ sở tổng hợp điểm đánh giá chung toàn huyện, thành phố do Phòng Nội vụ thuộc UBND cấp huyện chủ trì, thực hiện.

### **Điều 6. Thời gian thực hiện**

#### 1. Đối với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện:

a) Từ ngày **01/11** đến ngày **01/12** hàng năm, Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch, tổ chức điều tra xã hội học, lấy ý kiến của các đối tượng để đánh giá kết quả thực hiện CCHC.

b) Từ ngày **30/12** đến ngày **15/01** hàng năm, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện hoàn thành công tác tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị và gửi kết quả về Sở Nội vụ.

c) Từ ngày **16/01** đến ngày **31/01** năm kế tiếp của năm đánh giá, Sở Nội vụ tổng hợp kết quả tự đánh giá của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.

d) Từ ngày **01/02** đến ngày **15/02** năm kế tiếp của năm đánh giá, các sở, ban, ngành được phân công tại Điều 8 Quy định này tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và tổng hợp, trình UBND tỉnh kết quả xếp hạng Chỉ số CCHC.

e) Trong tháng **03** năm kế tiếp năm đánh giá, UBND tỉnh công bố kết quả xếp hạng Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.

2. Đối với UBND cấp xã:

UBND cấp huyện quy định cụ thể về thời gian tổ chức xác định Chỉ số CCHC của UBND cấp xã, chậm nhất trong Quý I của năm kế tiếp năm đánh giá.

## **Chương IV** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 7. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC được đảm bảo bằng nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh và thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành.

### **Điều 8. Trách nhiệm của thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã**

1. Tổ chức phổ biến, quán triệt Quy định này trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện tự đánh giá, gửi báo cáo kết quả tự đánh giá kèm theo tài liệu kiểm chứng kết quả thực hiện CCHC đầy đủ, chính xác theo thời gian quy định.

2. Căn cứ nội dung, tiêu chí đánh giá, xếp hạng của cấp mình, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã chỉ đạo, hướng dẫn nội dung, tiêu chí, cách thức tự đánh giá, xếp hạng cho các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc phù hợp với đặc điểm, tình hình thực hiện nhiệm vụ.

3. Căn cứ kết quả đánh giá, xếp hạng CCHC, quyết định việc biểu dương, khen thưởng theo thẩm quyền; chấn chỉnh, xử lý kịp thời các đơn vị, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm các quy định, chỉ đạo của cấp trên về công tác CCHC.

4. Giao Sở Nội vụ là cơ quan chủ trì tham mưu UBND tỉnh thực hiện Quy định này, tập trung vào các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng văn bản hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tiến hành tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch xác định Chỉ số CCHC hàng năm; thành lập Tổ thẩm định cấp tỉnh để thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị; tổng hợp kết quả tự đánh giá và thực hiện công tác kiểm tra thực tế việc tự chấm điểm tại các cơ quan, đơn vị.

b) Lập dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch gửi Sở Tài chính.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Phiếu điều tra, tổ chức điều tra xã hội học để xác định Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.



d) Trực tiếp thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện về các lĩnh vực: Công tác chỉ đạo điều hành CCHC; cải cách tổ chức bộ máy nhà nước; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

5. Sở Tư pháp thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện về lĩnh vực xây dựng, tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật và cải cách thủ tục hành chính.

6. Sở Tài chính thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện về lĩnh vực cải cách tài chính công; thẩm định, trình UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch, hướng dẫn Sở Nội vụ thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

7. Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện về lĩnh vực hiện đại hóa nền hành chính, gồm 02 tiêu chí: Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính; cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

8. Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện về lĩnh vực hiện đại hóa nền hành chính theo tiêu chí: Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008.

9. UBND cấp huyện: Hướng dẫn UBND cấp xã tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện CCHC theo bộ Chỉ số CCHC do UBND tỉnh ban hành; ban hành kế hoạch, chủ trì tổ chức việc thẩm định, công bố Chỉ số CCHC hàng năm của UBND cấp xã, báo cáo kết quả về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) theo quy định, chậm nhất trong Quý I của năm kế tiếp năm đánh giá. *th*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phóng



**Phụ lục 1**  
**CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên)*

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
<b>I</b>	<b>ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH</b>	<b>85</b>			
<b>1</b>	<b>Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC</b>	<b>12</b>			
<b>1.1</b>	<b>Kế hoạch CCHC năm</b>	<b>4</b>			VD: Kế hoạch số /KH-SNV ngày tháng năm
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời	1			
	<i>Có ban hành kế hoạch đảm bảo đúng thời gian quy định: 1 điểm</i>				
	<i>Không ban hành kế hoạch đảm bảo đúng thời gian quy định: 0 điểm</i>				
1.1.2	Kế hoạch xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Chương trình tổng thể CCHC	1			
1.1.3	Phân công trách nhiệm cụ thể cho từng phòng, ban, đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ CCHC theo kế hoạch	1			
1.1.4	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	1			
	<i>Mức độ hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm</i>				
	<i>Mức độ hoàn thành đạt từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0,5 điểm</i>				
	<i>Mức độ hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0 điểm</i>				
<b>1.2</b>	<b>Thực hiện công tác báo cáo cải cách hành chính</b>	<b>3</b>			
1.2.1	Số lượng báo cáo định kỳ (báo cáo Quý I, 6 tháng, Quý III, báo cáo năm)	1			
	<i>Đủ số lượng báo cáo : 1 điểm</i>				
	<i>Thiếu 01 báo cáo: 0,5 điểm</i>				
	<i>Thiếu 02 báo cáo: 0,25 điểm</i>				
	<i>Thiếu từ 03 báo cáo trở lên: 0 điểm</i>				
1.2.2	Các báo cáo đảm bảo đúng thời gian quy định (theo Công văn hướng dẫn của Sở Nội vụ)	1			
	<i>Tất cả các báo cáo gửi đúng thời gian quy định: 1 điểm</i>				
	<i>01 báo cáo gửi không đúng thời gian quy định: 0,5 điểm</i>				
	<i>02 báo cáo gửi không đúng thời gian quy định: 0,25 điểm</i>				
	<i>Từ 03 báo cáo trở lên gửi không đúng thời gian quy định: 0 điểm</i>				
1.2.3	Báo cáo đảm bảo đầy đủ nội dung và chất lượng báo cáo theo quy định	1			
	<i>Các báo cáo đảm bảo đầy đủ nội dung và chất lượng báo cáo theo quy định: 1 điểm</i>				
	<i>01 báo cáo không đảm bảo đầy đủ nội dung và chất lượng báo cáo theo quy định: 0,5 điểm</i>				
	<i>02 báo cáo không đảm bảo đầy đủ nội dung và chất lượng báo cáo theo quy định: 0,25 điểm</i>				
	<i>Từ 03 báo cáo trở lên không đảm bảo đầy đủ nội dung và chất lượng báo cáo theo quy định: 0 điểm</i>				
<b>1.3</b>	<b>Kiểm tra công tác CCHC</b>	<b>4</b>			

1.3.1	Kế hoạch kiểm tra CCHC đối với cơ quan, đơn vị trực thuộc	1		
	<i>Có ban hành kế hoạch kiểm tra riêng: 1 điểm</i>			
	<i>Lông ghép nội dung trong kế hoạch CCHC hàng năm: 0,5 điểm</i>			
	<i>Không có kế hoạch: 0 điểm</i>			
1.3.2	Tỷ lệ số phòng, ban và đơn vị trực thuộc được kiểm tra trong năm	1		
	<i>Từ 30% số phòng, ban và đơn vị trực trở lên: 1 điểm</i>			
	<i>Từ 20% - dưới 30% số phòng, ban và đơn vị trực thuộc trở lên: 0,5 điểm</i>			
	<i>Dưới 20% số phòng, ban và đơn vị trực thuộc: 0 điểm</i>			
1.3.3	Thực hiện đúng theo nội dung kế hoạch kiểm tra ( <i>thể hiện qua biên bản, thông báo, kết luận kiểm tra</i> )	1		
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch: 1 điểm</i>			
	<i>Thực hiện đạt từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 0,5 điểm</i>			
	<i>Thực hiện dưới 70% kế hoạch: 0 điểm</i>			
1.3.4	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra ( <i>có kết luận hoặc biện pháp xử lý qua kiểm tra</i> )	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm</i>			
	<i>Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>			
1.4	<b>Thực hiện tuyên truyền về cải cách hành chính</b>	<b>1</b>		
1.4.1	Ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC hàng năm (chậm nhất trong tháng 01 năm kế hoạch)	0,5		
	<i>Có ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC hàng năm: 0,5 điểm</i>			
	<i>Lông ghép nội dung tuyên truyền trong kế hoạch CCHC năm: 0,25 điểm</i>			
	<i>Không ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC hàng năm: 0 điểm</i>			
1.4.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	0,5		
	<i>Mức độ hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5 điểm</i>			
	<i>Mức độ hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0 điểm</i>			
2	<b>Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL</b>	<b>8</b>		
2.1	<b>Tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo chức năng, nhiệm vụ được phân công</b>	<b>1</b>		
2.1.1	Tham mưu xây dựng VBQPPL trong năm theo danh mục đã được phê duyệt	0,5		
	<i>100% số văn bản được tham mưu ban hành đúng tiến độ: 0,5 điểm</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100 % số văn bản được tham mưu ban hành đúng tiến độ: 0,25 điểm</i>			
	<i>Dưới 80% số văn bản được tham mưu ban hành đúng tiến độ: 0 điểm</i>			
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	0,5		
	<i>100% VBQPPL tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành trong năm thực hiện theo đúng quy trình: 0,5 điểm</i>			
	<i>Dưới 100% VBQPPL tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành trong năm thực hiện theo đúng quy trình: 0 điểm</i>			
2.2	<b>Theo dõi thi hành pháp luật</b>	<b>4</b>		
2.2.1	Xây dựng kế hoạch theo dõi việc thi hành pháp luật	1		

	<i>Có xây dựng kế hoạch (hoặc lồng ghép nội dung trong kế hoạch chung của cơ quan đáp ứng yêu cầu thực hiện theo dõi việc thi hành pháp luật trong kế hoạch của UBND tỉnh): 1 điểm</i>			
	<i>Không ban hành kế hoạch: 0 điểm</i>			
2.2.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	1		
	<i>Mức độ hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm</i>			
	<i>Mức độ hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0,5 điểm</i>			
	<i>Mức độ hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0 điểm</i>			
2.2.3	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	1		
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 1 điểm</i>			
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0 điểm</i>			
2.2.4	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm</i>			
	<i>Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>			
<b>2.3</b>	<b>Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL</b>	<b>1,5</b>		
2.3.1	Xây dựng kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5		
	<i>Có xây dựng kế hoạch (hoặc lồng ghép nội dung trong kế hoạch chung của cơ quan đáp ứng yêu cầu về rà soát, hệ thống hóa VBQPPL trong kế hoạch của UBND tỉnh): 0,5 điểm</i>			
	<i>Không ban hành kế hoạch: 0 điểm</i>			
2.3.2	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5		
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5 điểm</i>			
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0 điểm</i>			
2.3.3	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25 điểm</i>			
	<i>Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>			
<b>2.4</b>	<b>Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật</b>	<b>1,5</b>		
2.4.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL	0,5		
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5 điểm</i>			
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0 điểm</i>			
2.4.2	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm</i>			
	<i>Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>			
<b>3</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>	<b>10</b>		
3.1	<b>Kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)</b>	<b>5</b>		

3.1.1	Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC theo quy định <i>Ban hành kế hoạch đúng thời gian quy định: 1 điểm</i> <i>Không ban hành kế hoạch hoặc ban hành muộn thời hạn quy định: 0 điểm</i>	1		
3.1.2	Kế hoạch xác định đầy đủ các nhiệm vụ kiểm soát TTHC theo kế hoạch năm của UBND tỉnh <i>Xác định đầy đủ nhiệm vụ: 1 điểm</i> <i>Không xác định đầy đủ nhiệm vụ: 0 điểm</i>	1		
3.1.3	Thực hiện chế độ báo cáo kết quả kiểm soát TTHC theo quy định <i>Thực hiện đúng quy định: 1 điểm</i> <i>Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>	1		
3.1.4	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính <i>Mức độ hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm</i> <i>Mức độ hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0,5 điểm</i> <i>Mức độ hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0 điểm</i>	1		
3.1.5	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát <i>100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm</i> <i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>	1		
3.2	<b>Công bố, công khai thủ tục hành chính</b>	4		
3.2.1	Cập nhật, công bố thủ tục hành chính theo quy định <i>Cập nhật, công bố đầy đủ, kịp thời thủ tục thủ tục hành chính và các quy định có liên quan: 2 điểm</i> <i>Cập nhật, công bố không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0 điểm</i>	2		
3.2.2	Tỷ lệ số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả <i>100% số TTHC: 1 điểm</i> <i>Dưới 100% số TTHC: 0 điểm</i>	1		
3.2.3	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan <i>100% số TTHC: 1 điểm</i> <i>Dưới 100% số TTHC: 0 điểm</i>	1		
3.3	<b>Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC</b>	1		
3.3.1	Niên yết địa chỉ tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC <i>Thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm</i> <i>Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>	0,5		
3.3.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan <i>100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm</i> <i>Dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>	0,5		
4	<b>Cải cách tổ chức bộ máy</b>	7		
4.1	<b>Tuân thủ các quy định của Trung ương, của tỉnh về tổ chức bộ máy</b>	2		
4.1.1	Về tổ chức bộ máy	1		

	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định: 1 điểm</i>			
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0 điểm</i>			
4.1.2	Thực hiện các quy định về biện chế, sử dụng lao động	1		
	<i>Sử dụng đúng các tiết kiệm biện chế được giao: 1 điểm</i>			
	<i>Sử dụng không đúng: 0 điểm</i>			
<b>4.2</b>	<b>Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị</b>	<b>3,5</b>		
4.2.1	Xây dựng kế hoạch, phương pháp kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị trực thuộc	1		
	<i>Có kế hoạch kiểm tra: 1 điểm</i>			
	<i>Không có kế hoạch kiểm tra: 0 điểm</i>			
4.2.2	Thực hiện việc kiểm tra theo nội dung kế hoạch đã ban hành (Biên bản, thông báo, kết luận kiểm tra,...)	1,5		
	<i>Mức độ hoàn thành 100% kế hoạch: 1,5 điểm</i>			
	<i>Mức độ hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch, chương trình: 1 điểm</i>			
	<i>Thực hiện dưới 70% kế hoạch: 0 điểm</i>			
4.2.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm</i>			
	<i>Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>			
<b>4.3</b>	<b>Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân công</b>	<b>1,5</b>		
4.3.1	Thực hiện rà soát, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị khi có văn bản của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ chuyên ngành	0,5		
	<i>Thực hiện rà soát kịp thời, đúng quy định: 0,5 điểm</i>			
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện rà soát không kịp thời theo quy định: 0 điểm</i>			
4.3.2	Ban hành quy chế làm việc của cơ quan đúng quy định	0,5		
	<i>Có ban hành: 0,5 điểm</i>			
	<i>Không ban hành: 0 điểm</i>			
4.3.3	Thực hiện đúng quy chế làm việc	0,5		
	<i>Thực hiện đúng theo quy chế làm việc: 0,5 điểm</i>			
	<i>Không thực hiện đúng quy chế làm việc: 0 điểm</i>			
<b>5</b>	<b>Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức</b>	<b>11</b>		
<b>5.1</b>	<b>Thực hiện cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp ngạch viên chức theo vị trí việc làm</b>	<b>1,5</b>		
5.1.1	Triển khai xây dựng cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp ngạch viên chức theo vị trí việc làm đúng quy định	0,5		
	<i>Thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm</i>			
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>			
5.1.2	Tỷ lệ cơ quan hành chính thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm	0,5		
	<i>100% số phòng, ban, chi cục xây dựng và thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm</i>			

	<i>Dưới 100% số phòng, ban, chi cục xây dựng và thực hiện đúng quy định : 0 điểm</i>			
5.1.3	Tỷ lệ các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp ngạch viên chức theo vị trí việc làm	0,5		
	<i>100% số đơn vị sự nghiệp trực thuộc xây dựng và thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm</i>			
	<i>Dưới 100% số đơn vị sự nghiệp trực thuộc xây dựng và thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>			
5.2	<b>Tuyển dụng, bố trí việc làm cho công chức, viên chức</b>	<b>1</b>		
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập	0,5		
	<i>Đúng quy định: 0,5 điểm</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>			
5.2.2	Thực hiện quy định về bố trí tập sự, thử việc cho công chức, viên chức; bổ nhiệm chính thức vào ngạch theo đúng quy định	0,5		
	<i>Đúng quy định: 0,5 điểm</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>			
5.3	<b>Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng, ban và tương đương</b>	<b>0,5</b>		
	<i>100% số lãnh đạo cấp phòng, ban và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0,5 điểm</i>			
	<i>Dưới 100% số lãnh đạo cấp phòng, ban và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0 điểm</i>			
5.4	<b>Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức</b>	<b>2</b>		
5.4.1	Thực hiện công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức viên chức hàng năm thuộc thẩm quyền theo quy định của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ	1		
	<i>Đúng quy định: 1 điểm</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>			
5.4.2	Đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức qua kết quả thực hiện nhiệm vụ	1		
	<i>100% hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 1 điểm</i>			
	<i>Từ 80% đến dưới 100% hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ : 0,5 điểm</i>			
	<i>Dưới 80% hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 0 điểm</i>			
5.5	<b>Thực hiện tình giản biên chế hàng năm tại cơ quan, đơn vị</b>	<b>3</b>		
5.5.1	Xây dựng kế hoạch tình giản biên chế hàng năm đảm bảo đúng nội dung, thời gian theo quy định	1		
	<i>Có xây dựng kế hoạch: 1 điểm</i>			
	<i>Không xây dựng kế hoạch theo quy định: 0 điểm</i>			
5.5.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch tình giản biên chế hàng năm	1		
	<i>Mức độ hoàn thành đạt 100% kế hoạch: 1 điểm</i>			
	<i>Mức độ hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0 điểm</i>			
5.5.3	Báo cáo kết quả thực hiện tình giản biên chế hàng năm	1		
	<i>Thực hiện báo cáo theo đúng nội dung, thời gian quy định: 1 điểm</i>			
	<i>Không thực hiện báo cáo theo đúng nội dung, thời gian quy định: 0 điểm</i>			
5.6	<b>Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức</b>	<b>3</b>		



5.6.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong năm	1		
	<i>Có ban hành: 1 điểm</i>			
	<i>Không ban hành: 0 điểm</i>			
5.6.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1		
	<i>Mức độ hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm</i>			
	<i>Mức độ hoàn thành đạt từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0,5 điểm</i>			
	<i>Mức độ hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0 điểm</i>			
5.6.3	Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1		
	<i>Đúng quy định: 1 điểm</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>			
<b>6</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>	<b>4</b>		
6.1	<b>Xây dựng, công khai dự toán và quyết toán tài chính hàng năm theo quy định</b>	<b>1</b>		
	<i>Có thực hiện: 1 điểm</i>			
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>			
6.2	<b>Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính</b>	<b>1</b>		
	<i>100% cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định: 1 điểm</i>			
	<i>Dưới 100% cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>			
6.3	<b>Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>	<b>1</b>		
	<i>100% cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc thực hiện đúng quy định: 1 điểm</i>			
	<i>Dưới 100% cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>			
6.4	<b>Thực hiện tiết kiệm chi phí tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị</b>	<b>1</b>		
	<i>Có thực hiện: 1 điểm</i>			
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>			
<b>7</b>	<b>Hiện đại hóa nền hành chính</b>	<b>14</b>		
7.1	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính</b>	<b>7</b>		
7.1.1	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm	1		
	<i>Có ban hành kế hoạch: 1 điểm</i>			
	<i>Không ban hành kế hoạch: 0 điểm</i>			
7.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT	1,5		
	<i>Mức độ hoàn thành 100% kế hoạch: 1,5 điểm</i>			
	<i>Mức độ hoàn thành đạt từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 1 điểm</i>			
	<i>Mức độ hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0 điểm</i>			
7.1.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ	1		
	<i>Đạt từ 80% trở lên: 1 điểm</i>			
	<i>Đạt từ 60% - dưới 80%: 0,5 điểm</i>			

	<i>Đạt dưới 60%: 0 điểm</i>			
7.1.4	Ứng dụng phần mềm quản lý văn bản tại cơ quan, đơn vị	1,5		
	<i>Có sử dụng và cập nhật văn bản đến, văn bản đi của đơn vị đạt từ 90% số văn bản trở lên: 1,5 điểm</i>			
	<i>Có sử dụng và cập nhật văn bản đến, văn bản đi của đơn vị đạt từ 70% đến dưới 90% số văn bản trở lên: 1 điểm</i>			
	<i>Có sử dụng và cập nhật văn bản đến, văn bản đi của đơn vị đạt từ 50% đến dưới 70% số văn bản trở lên: 0,5 điểm</i>			
	<i>Có sử dụng và cập nhật văn bản đến, văn bản đi của đơn vị đạt dưới 50% số văn bản trở lên: 0 điểm</i>			
7.1.5	Cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của đơn vị theo Nghị định 43/2011/NĐ-CP	2		
	<i>Cập nhật thường xuyên, kịp thời theo quy định: 2 điểm</i>			
	<i>Cập nhật thường xuyên, không kịp thời: 1 điểm</i>			
	<i>Không cập nhật thường xuyên: 0 điểm</i>			
7.2	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>	2		
7.2.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 2	1		
	<i>Từ 80% số hồ sơ TTHC trở lên: 1 điểm</i>			
	<i>Từ 50% - dưới 80% số hồ sơ TTHC trở lên: 0,5 điểm</i>			
	<i>Dưới 50% số hồ sơ TTHC : 0 điểm</i>			
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 3	1		
	<i>Từ 30% - dưới 40% số hồ sơ TTHC: 1 điểm</i>			
	<i>Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 0,5 điểm</i>			
	<i>Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0 điểm</i>			
7.3	<b>Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008</b>	5		
7.3.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo Quyết định số: 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ Tướng Chính phủ	2		
	<i>Thực hiện xây dựng quy trình cho toàn bộ các TTHC của đơn vị: 1 điểm</i>			
	<i>Thực hiện công bố theo quy định tại quyết định số 19/QĐ-TTg và thực hiện công bố lại hệ thống khi có số quy trình thay đổi: 1 điểm</i>			
	<i>Không thực hiện công bố theo quy định: 0 điểm</i>			
7.3.2	Duy trì hệ thống quản lý theo TCVN ISO 9001:2008	3		
	<i>Kiện toàn lại ban chỉ đạo khi có thay đổi nhân sự: 0,5 điểm</i>			
	<i>Thực hiện đánh giá nội bộ, họp xem xét việc áp dụng ISO 9001: 2008 của lãnh đạo hàng năm: 0,5 điểm</i>			
	<i>Thực hiện giải quyết công việc; lưu trữ, sắp xếp hồ sơ, tài liệu theo quy trình đã ban hành, đúng quy trình: 1 điểm</i>			
	<i>Các quy trình được cập nhật, sửa đổi thường xuyên, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật: 1 điểm</i>			
8	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông</b>	11		
8.1	Ban hành Quy chế thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo đúng quy định	1		

	Có ban hành : 1 điểm			
	Không ban hành: 0 điểm			
8.2	<b>Thực hiện phân công và chỉ trả chế độ phụ cấp cho người trực tiếp làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</b>	1,5		
	Có thực hiện đúng quy định: 1,5 điểm			
	Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm			
8.3	<b>Bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</b>	1		
	Bố trí phòng làm việc, đầy đủ trang thiết bị cần thiết: 1 điểm			
	Bố trí không đầy đủ: 0 điểm			
8.4	<b>Thực hiện giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông</b>	3		
8.4.1	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa	2		
	100% số TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa : 2 điểm			
	Từ 80% - dưới 100% số TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa : 1 điểm			
	Dưới 80% số TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa: 0 điểm			
8.4.2	Thực hiện giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan, đơn vị	1		
	Có TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông: 1 điểm			
	Không có TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông: 0 điểm			
8.5	<b>Quản lý việc tiếp nhận, giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</b>	4,5		
8.5.1	Công khai thông tin họ tên, chức vụ, số điện thoại,... người tiếp nhận hồ sơ TTHC	0,5		
	Có thực hiện công khai đầy đủ: 0,5 điểm			
	Không thực hiện công khai: 0 điểm			
8.5.2	Tiếp nhận hồ sơ có phiếu hẹn, phiếu kiểm soát hồ sơ theo quy định	1,5		
	Có phiếu hẹn, phiếu kiểm soát theo quy định: 0,5 điểm			
	Cập nhật đầy đủ, đúng quy định các thông tin trong phiếu hẹn, phiếu kiểm soát: 1 điểm			
	Không thực hiện đầy đủ, theo đúng quy định: 0 điểm			
8.5.3	Theo dõi việc tiếp nhận và giải quyết TTHC trên sổ hoặc phần mềm	1		
	Có sử dụng sổ theo dõi hoặc phần mềm một cửa điện tử: 0,5 điểm			
	Cập nhật, sử dụng thường xuyên, đầy đủ sổ theo dõi hoặc trên phần mềm một cửa điện tử: 0,5 điểm			
	Không sử dụng hoặc không cập nhật thông tin thường xuyên, đầy đủ: 0 điểm			
8.5.4	Tỷ lệ số hồ sơ tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn, trước hạn	1,5		
	100% số hồ sơ: 1,5 điểm			
	Từ 80% - dưới 100% số hồ sơ: 1 điểm			
	Dưới 80% số hồ sơ: 0 điểm			
9	<b>Điểm thưởng và điểm trừ</b>	8		
9.1	<b>Điểm thưởng</b>	8		

9.1.1	Thường xuyên đăng tải những nội dung về công tác CCHC tại bản tin của cơ quan hoặc trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan	1			
9.1.2	Có sáng kiến CCHC nổi bật, áp dụng trong năm được cấp có thẩm quyền công nhận	1			
9.1.3	Thực hiện gửi báo cáo chấm điểm chỉ số CCHC kèm theo tài liệu kiểm chứng đầy đủ, chính xác và sớm thời gian quy định ( <i>ít nhất 03 ngày làm việc so với thời gian quy định</i> )	1			
9.1.4	Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị đánh giá qua các hình thức khen thưởng	1			
	<i>Cờ thi đua của Chính phủ hoặc các hình thức khen cáo của Nhà nước (Huân chương, Huy chương, ...): 1 điểm</i>				
	<i>Cờ thi đua của UBND tỉnh hoặc Bộ chuyên ngành: 0,5 điểm</i>				
	<i>Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Bộ chuyên ngành: 0,25 điểm</i>				
	<i>* Trường hợp cơ quan có nhiều hình thức khen thưởng thì chấm điểm ở hình thức cao nhất</i>				
9.1.5	Tham mưu UBND tỉnh có những chính sách mang tính đột phá, tác động tốt đến sự phát triển của ngành hoặc của tỉnh	1			
9.1.6	Có những sáng kiến tiết kiệm được ngân sách và quy ra được giá trị cụ thể, có tác động tích cực đối với cơ quan, đơn vị ( <i>Mỗi sáng kiến được 0,5 điểm, tối đa không quá 01 điểm</i> )	1			
9.1.7	Tổ chức các lớp bồi dưỡng, triển khai các nội dung về CCHC đến CB, CC, VC; tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết chuyên đề về CCHC	0,5			
9.1.8	Tỷ lệ TTHC được đơn giản hoá đạt 30% (về mặt thời gian, thành phần hồ sơ, quy trình,...) trong năm thể hiện trên Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	0,5			
9.1.9	Đơn vị có thực hiện cung cấp hiệu quả dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	0,5			
9.1.10	Trong năm có thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ	0,5			
<b>9.2</b>	<b>Điểm trừ</b>	<b>8</b>			
9.2.1	Gửi báo cáo chấm điểm kèm theo tài liệu kiểm chứng muộn thời gian quy định ( <i>quá 03 ngày làm việc</i> )	1			
9.2.2	Tài liệu kiểm chứng có các văn bản trên số (ví dụ: 11a,b,c,...) hoặc trùng số; sắp xếp tài liệu không khoa học, không xếp theo đúng các tiêu chí chứng minh	1			
9.2.3	Có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu của cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị	1			
9.2.4	Có sai phạm trong thực hiện các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan để báo đài và các phương tiện truyền thông phản ánh đúng sự thật	1			
9.2.5	Không thực hiện việc xin lỗi công dân hoặc không có văn bản giải thích cụ thể đối với các trường hợp hồ sơ trễ hạn hoặc trả lại	1			
9.2.6	Thực hiện báo cáo không, không đúng số liệu, bị cấp trên phát hiện	0,5			
9.2.7	Cơ quan, đơn vị không hoàn thành các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao riêng trong kế hoạch hàng năm (của các ngành tư pháp, tài chính, khoa học công nghệ,...) liên quan đến nội dung của chương trình tổng thể CCHC	0,5			
9.2.8	Cơ quan, đơn vị được xếp hạng chỉ số CCHC thuộc nhóm trung bình hoặc nhóm yếu trong 3 năm liên tiếp ( <i>gồm 2 năm trước liền kề và năm đánh giá</i> )	1			

9.2.9	Thực hiện các nhiệm vụ công tác CCHC còn yếu, bị lãnh đạo UBND tỉnh phê bình, dư luận phản ánh	0,5		
9.2.10	Có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên	0,5		
<b>II</b>	<b>ĐIỀU TRA XÁ HỘI HỌC ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TÁC CCHC</b>	<b>15</b>		
<b>1</b>	<b>Kết quả công tác chỉ đạo điều hành CCHC của các sở, ban, ngành</b>	<b>2</b>		
	Tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo điều hành CCHC	0,5		
	Chất lượng của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC	1		
	Việc bố trí nguồn lực (nhân lực, tài chính,...) phục vụ công tác CCHC	0,5		
<b>2</b>	<b>Tác động đến chất lượng thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước</b>	<b>1</b>		
	Tính khả thi, hiệu quả của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước do cơ quan tham mưu UBND tỉnh ban hành	0,5		
	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước	0,5		
<b>3</b>	<b>Tác động đến tình hình giải quyết TTHC</b>	<b>2</b>		
	Sự thuận tiện trong việc tìm hiểu thông tin về TTHC	1		
	Sự đơn giản, dễ thực hiện đối với mẫu đơn, mẫu tờ khai trong hồ sơ TTHC	0,5		
	Tính công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC	0,5		
<b>4</b>	<b>Đánh giá tác động đến tổ chức bộ máy</b>	<b>2</b>		
	Đánh giá về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị	1		
	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị	1		
<b>5</b>	<b>Đánh giá tác động đến đội ngũ công chức giải quyết TTHC</b>	<b>2</b>		
	Về năng lực chuyên môn của công chức giải quyết TTHC	1		
	Đánh giá về tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ của công chức giải quyết TTHC	0,5		
	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân	0,5		
<b>6</b>	<b>Đánh giá cơ chế tài chính công</b>	<b>0,5</b>		
	Việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngân sách nhà nước trong hoạt động của cơ quan, đơn vị	0,5		
<b>7</b>	<b>Đánh giá mức độ hiện đại hoá nền hành chính</b>	<b>2</b>		
	Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan	0,5		
	Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng thông tin của cơ quan	0,5		
	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan	1		
<b>8</b>	<b>Chất lượng phục vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</b>	<b>3,5</b>		
	Đánh giá về cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1		
	Thái độ phục vụ của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1		
	Thời gian giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5		
	Hiệu quả giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1		
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>100</b>		



**Phụ lục 2**  
**CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên)*

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
I	<b>ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC CỦA UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ</b>	<b>85</b>			
1	<b>Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC</b>	<b>12</b>			
1.1	<b>Kế hoạch CCHC năm</b>	<b>4</b>			VD: Kế hoạch số /KH-SNV ngày tháng năm
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời <i>Có ban hành kế hoạch đảm bảo đúng thời gian quy định: 1 điểm</i> <i>Không ban hành kế hoạch đảm bảo đúng thời gian quy định: 0 điểm</i>	1			
1.1.2	Kế hoạch xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Chương trình tổng thể CCHC	1			
1.1.3	Phân công trách nhiệm cụ thể cho từng phòng, ban, đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ CCHC theo kế hoạch	1			
1.1.4	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch <i>Mức độ oàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm</i> <i>Mức độ hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0,5 điểm</i> <i>Mức độ hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0 điểm</i>	1			
1.2	<b>Thực hiện công tác báo cáo cải cách hành chính</b>	<b>3</b>			
1.2.1	Số lượng báo cáo định kỳ (báo cáo Quý I, 6 tháng, Quý III, báo cáo năm) <i>Đủ số lượng báo cáo : 1 điểm</i> <i>Thiếu 01 báo cáo: 0,5 điểm</i> <i>Thiếu 02 báo cáo: 0,25 điểm</i> <i>Thiếu từ 03 báo cáo trở lên: 0 điểm</i>	1			
1.2.2	Các báo cáo đảm bảo đúng thời gian quy định (theo Công văn hướng dẫn của Sở Nội vụ) <i>Tất cả các báo cáo gửi đúng thời gian quy định: 1 điểm</i> <i>01 báo cáo gửi không đúng thời gian quy định: 0,5 điểm</i> <i>02 báo cáo gửi không đúng thời gian quy định: 0,25 điểm</i> <i>Từ 03 báo cáo trở lên gửi không đúng thời gian quy định: 0 điểm</i>	1			
1.2.3	Báo cáo đảm bảo đầy đủ nội dung và chất lượng báo cáo theo quy định <i>Các báo cáo đảm bảo đầy đủ nội dung và chất lượng báo cáo theo quy định: 1 điểm</i> <i>01 báo cáo không đảm bảo đầy đủ nội dung và chất lượng báo cáo theo quy định: 0,5 điểm</i> <i>02 báo cáo không đảm bảo đầy đủ nội dung và chất lượng báo cáo theo quy định: 0,25 điểm</i> <i>Từ 03 báo cáo trở lên không đảm bảo đầy đủ nội dung và chất lượng báo cáo theo quy định: 0 điểm</i>	1			

<b>1.3</b>	<b>Kiểm tra công tác CCHC</b>				
1.3.1	Kế hoạch kiểm tra CCHC đối với cơ quan, đơn vị trực thuộc	4			
	Có ban hành kế hoạch kiểm tra CCHC riêng: 1 điểm	1			
	Lồng ghép nội dung trong kế hoạch CCHC hàng năm: 0,5 điểm				
	Không có kế hoạch: 0 điểm				
1.3.2	Tỷ lệ phòng, ban trực thuộc và đơn vị hành chính cấp xã được kiểm tra trong năm	1			
	Từ 30% số phòng, ban trực thuộc và đơn vị hành chính cấp xã trở lên: 1 điểm				
	Từ 20% - dưới 30% số phòng, ban trực thuộc và đơn vị hành chính cấp xã trở lên: 0,5 điểm				
	Dưới 20% số phòng, ban trực thuộc và đơn vị hành chính cấp xã: 0 điểm				
1.3.3	Thực hiện đúng theo nội dung kế hoạch kiểm tra ( thể hiện qua biên bản, thông báo, kết luận kiểm tra)	1			
	Thực hiện 100% kế hoạch: 1 điểm				
	Thực hiện từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 0,5 điểm				
	Thực hiện dưới 70% kế hoạch: 0 điểm				
1.3.4	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (có kết luận hoặc biện pháp xử lý qua kiểm tra)	1			
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm				
	Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm				
	Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm				
<b>1.4</b>	<b>Thực hiện tuyên truyền về cải cách hành chính</b>	<b>1</b>			
1.4.1	Ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC hàng năm (chậm nhất trong tháng 01 năm kế hoạch)	0,5			
	Có ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC hàng năm: 0,5 điểm				
	Lồng ghép nội dung tuyên truyền trong kế hoạch CCHC năm: 0,25 điểm				
	Không ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC hàng năm: 0 điểm				
1.4.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	0,5			
	Mức độ hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5 điểm				
	Mức độ hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0 điểm				
<b>2</b>	<b>Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL</b>	<b>8</b>			
2.1	Thực hiện xây dựng và ban hành văn bản QPPL đảm bảo đúng thẩm quyền, đúng quy trình.	1			
	100% VBQPPL ban hành trong năm thực hiện theo đúng thẩm quyền, đúng quy trình: 1 điểm				
	Dưới 100% VBQPPL ban hành trong năm thực hiện theo đúng thẩm quyền, đúng quy trình: 0 điểm				
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật	4			
2.2.1	Xây dựng kế hoạch theo dõi việc thi hành pháp luật	1			
	Có xây dựng kế hoạch (hoặc lồng ghép nội dung trong kế hoạch chung của cơ quan đáp ứng yêu cầu thực hiện theo dõi việc thi hành pháp luật trong kế hoạch của UBND tỉnh): 1 điểm				
	Không ban hành kế hoạch: 0 điểm				
2.2.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	1			
	Mức độ hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm				
	Mức độ hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0,5 điểm				



	Mức độ hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0 điểm			
2.2.3	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	1		
	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 1 điểm			
	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0 điểm			
2.2.4	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1		
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm			
	Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm			
	Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm			
2.3	<b>Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL</b>	1,5		
2.3.1	Xây dựng kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5		
	Có xây dựng kế hoạch (hoặc lồng ghép nội dung trong kế hoạch chung của cơ quan đáp ứng yêu cầu về rà soát, hệ thống hóa VBQPPL trong kế hoạch của UBND tỉnh): 0,5 điểm			
	Không ban hành kế hoạch: 0 điểm			
2.3.2	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5		
	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5 điểm			
	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0 điểm			
2.3.3	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5		
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm			
	Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25 điểm			
	Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm			
2.4	<b>Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật</b>	1,5		
2.4.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL	0,5		
	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5 điểm			
	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0 điểm			
2.4.2	Xử lý văn bản phát hiện qua kiểm tra	1		
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm			
	Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm			
	Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm			
3	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>	10		
3.1	<b>Kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)</b>	5		
3.1.1	Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC theo quy định	1		
	Ban hành kế hoạch đúng thời hạn quy định: 1 điểm			
	Không ban hành kế hoạch hoặc ban hành muộn thời hạn quy định: 0 điểm			
3.1.2	Kế hoạch xác định đầy đủ các nhiệm vụ kiểm soát TTHC theo kế hoạch năm của UBND tỉnh	1		
	Xác định đầy đủ nhiệm vụ: 1 điểm			
	Không xác định đầy đủ nhiệm vụ: 0 điểm			
3.1.3	Thực hiện chế độ báo cáo kết quả kiểm soát TTHC theo quy định	1		

	<i>Thực hiện đúng quy định: 1 điểm</i>			
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>			
3.1.4	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính	1		
	<i>Mức độ hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm</i>			
	<i>Mức độ hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0,5 điểm</i>			
	<i>Mức độ hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0 điểm</i>			
3.1.5	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm</i>			
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>			
3.2	<b>Công khai thủ tục hành chính</b>	3		
3.2.1	Tỷ lệ số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện, thành phố	1		
	<i>100% số TTHC: 1 điểm</i>			
	<i>Dưới 100% số TTHC: 0 điểm</i>			
3.2.2	Tỷ lệ số đơn vị cấp xã thuộc phạm vi quản lý thực hiện công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.	1		
	<i>100% số đơn vị cấp xã: 1 điểm</i>			
	<i>Dưới 100% số đơn vị cấp xã: 0 điểm</i>			
3.2.3	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử của UBND các huyện, thành phố	1		
	<i>100% số TTHC: 1 điểm</i>			
	<i>Dưới 100% số TTHC: 0 điểm</i>			
3.3	<b>Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC</b>	2		
3.3.1	Niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC tại trụ sở UBND cấp huyện	0,5		
	<i>Thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm</i>			
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>			
3.3.2	Tỷ lệ số đơn vị cấp xã thuộc phạm vi quản lý thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN của các cá nhân, tổ chức đối với TTHC tại trụ sở UBND cấp xã theo quy định	0,5		
	<i>100% số đơn vị cấp xã: 0,5 điểm</i>			
	<i>Dưới 100% số đơn vị cấp xã: 0 điểm</i>			
3.3.3	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	0,5		
	<i>100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm</i>			
	<i>Dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>			
3.3.4	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền xử lý của UBND cấp xã trên địa bàn	0,5		
	<i>100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm</i>			
	<i>Dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>			
4	<b>Cải cách tổ chức bộ máy</b>	7		
4.1	<b>Tuân thủ các quy định của Trung ương, của tỉnh về tổ chức bộ máy</b>	2		

4.1.1	Về tổ chức bộ máy <b>DÀN</b> <i>Thực hiện đầy đủ theo quy định: 1 điểm</i> <i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0 điểm</i>	1		
4.1.2	Thực hiện các quy định về biên chế, sử dụng lao động <i>Sử dụng đúng, kết kiểm biên chế được giao: 1 điểm</i> <i>Sử dụng không đúng: 0 điểm</i>	1		
<b>4.2</b>	<b>Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị trực thuộc</b>	<b>3,5</b>		
4.2.1	Xây dựng kế hoạch, chương trình kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị trực thuộc <i>Có kế hoạch kiểm tra: 1 điểm</i> <i>Không có kế hoạch kiểm tra: 0 điểm</i>	1		
4.2.2	Thực hiện việc kiểm tra theo nội dung kế hoạch đã ban hành (Biên bản, thông báo, kết luận kiểm tra,...) <i>Mức độ hoàn thành 100% kế hoạch: 1,5 điểm</i> <i>Mức độ hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch, chương trình: 1 điểm</i> <i>Thực hiện dưới 70% kế hoạch: 0 điểm</i>	1,5		
4.2.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra <i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm</i> <i>Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm</i> <i>Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>	1		
<b>4.3</b>	<b>Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân công</b>	<b>1,5</b>		
4.3.1	Thực hiện rà soát, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị khi có văn bản của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ chuyên ngành <i>Thực hiện rà soát kịp thời, đúng quy định: 0,5 điểm</i> <i>Không thực hiện hoặc thực hiện rà soát không kịp thời theo quy định: 0 điểm</i>	0,5		
4.3.2	Ban hành quy chế làm việc của cơ quan đúng quy định <i>Có ban hành: 0,5 điểm</i> <i>Không ban hành: 0 điểm</i>	0,5		
4.3.3	Thực hiện đúng quy chế làm việc <i>Thực hiện đúng theo quy chế làm việc: 0,5 điểm</i> <i>Không thực hiện đúng quy chế làm việc: 0 điểm</i>	0,5		
<b>5</b>	<b>Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức</b>	<b>11</b>		
<b>5.1</b>	<b>Thực hiện cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp ngạch viên chức theo vị trí việc làm</b>	<b>1,5</b>		
5.1.1	Triển khai xây dựng cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp ngạch viên chức theo vị trí việc làm đúng quy định <i>Thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm</i> <i>Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>	0,5		
5.1.2	Tỷ lệ cơ quan hành chính thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm <i>100% số phòng, ban xây dựng và thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm</i>	0,5		

	<i>Dưới 100% số phòng, ban xây dựng và thực hiện đúng quy định : 0 điểm</i>			
5.1.3	Tỷ lệ các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp ngạch viên chức theo vị trí việc làm	0,5		
	<i>100% số đơn vị sự nghiệp trực thuộc xây dựng và thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm</i>			
	<i>Dưới 100% số đơn vị sự nghiệp trực thuộc xây dựng và thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>			
5.2	<b>Tuyển dụng, bố trí việc làm cho công chức, viên chức</b>	<b>1</b>		
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập	0,5		
	<i>Đúng quy định: 0,5 điểm</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>			
5.2.2	Thực hiện quy định về bố trí tập sự, thử việc cho công chức, viên chức; bổ nhiệm chính thức vào ngạch theo đúng quy định	0,5		
	<i>Đúng quy định: 0,5 điểm</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>			
5.3	<b>Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng, ban và tương đương</b>	<b>0,5</b>		
	<i>100% số lãnh đạo cấp phòng, ban và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0,5 điểm</i>			
	<i>Dưới 100% số lãnh đạo cấp phòng, ban và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0 điểm</i>			
5.4	<b>Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức</b>	<b>1,5</b>		
5.4.1	Thực hiện công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức viên chức hàng năm thuộc thẩm quyền theo quy định của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ	0,5		
	<i>Đúng quy định: 0,5 điểm</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>			
5.4.2	Đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức qua kết quả thực hiện nhiệm vụ	1		
	<i>100% hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 1 điểm</i>			
	<i>Từ 80% đến dưới 100% hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 0,5 điểm</i>			
	<i>Dưới 80% hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 0 điểm</i>			
5.5	<b>Thực hiện tình gián biên chế trong năm tại cơ quan, đơn vị</b>	<b>3</b>		
5.5.1	Xây dựng kế hoạch tình gián biên chế hàng năm đảm bảo đúng nội dung, thời gian theo quy định	1		
	<i>Có xây dựng kế hoạch: 1 điểm</i>			
	<i>Không xây dựng kế hoạch theo quy định: 0 điểm</i>			
5.5.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch tình gián biên chế hàng năm	1		
	<i>Mức độ hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm</i>			
	<i>Mức độ hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0 điểm</i>			
5.5.3	Báo cáo kết quả thực hiện tình gián biên chế hàng năm	1		
	<i>Thực hiện báo cáo theo đúng nội dung, thời gian quy định: 1 điểm</i>			
	<i>Không thực hiện báo cáo theo đúng nội dung, thời gian quy định: 0 điểm</i>			
5.6	<b>Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức</b>	<b>2</b>		
5.6.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong năm	1		

	<i>Có ban hành: 1 điểm</i>			
	<i>Không ban hành: 0 điểm</i>			
5.6.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	0,5		
	<i>Mức độ hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5 điểm</i>			
	<i>Mức độ hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 0,25 điểm</i>			
	<i>Mức độ hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0 điểm</i>			
5.6.3	Thực hiện công tác bảo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	0,5		
	<i>Đúng quy định: 0,5 điểm</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>			
<b>5.7</b>	<b>Cán bộ, công chức cấp xã</b>	<b>1,5</b>		
5.7.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	0,5		
	<i>100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0,5 điểm</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0,25 điểm</i>			
	<i>Dưới 80% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0 điểm</i>			
5.7.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	0,5		
	<i>100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0,5 điểm</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0,25 điểm</i>			
	<i>Dưới 80% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0 điểm</i>			
5.7.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	0,5		
	<i>Từ 90% số cán bộ, công chức trở lên: 0,5 điểm</i>			
	<i>Từ 70% - dưới 90% số cán bộ, công chức: 0,25 điểm</i>			
	<i>Dưới 70% số cán bộ, công chức: 0 điểm</i>			
<b>6</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>	<b>4</b>		
6.1	Xây dựng, công khai dự toán và quyết toán tài chính hàng năm theo quy định	1		
	<i>Có thực hiện: 1 điểm</i>			
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>			
6.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	1		
	<i>100% cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định: 1 điểm</i>			
	<i>Dưới 100% cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>			
6.3	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1		
	<i>100% cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc thực hiện đúng quy định: 1 điểm</i>			
	<i>Dưới 100% cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>			
6.4	Thực hiện tiết kiệm chi phí tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị	1		
	<i>Có thực hiện: 1 điểm</i>			
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>			
<b>7</b>	<b>Hiện đại hóa nền hành chính</b>	<b>14</b>		

7.1	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính</b>	7		
7.1.1	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm	1		
	<i>Có ban hành kế hoạch: 1 điểm</i>			
	<i>Không ban hành kế hoạch: 0 điểm</i>			
7.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT	1,5		
	<i>Mức độ hoàn thành 100% kế hoạch: 1,5 điểm</i>			
	<i>Mức độ hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 1 điểm</i>			
	<i>Mức độ hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0 điểm</i>			
7.1.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ	1		
	<i>Đạt từ 80% trở lên: 1 điểm</i>			
	<i>Đạt từ 60% - dưới 80%: 0,5 điểm</i>			
	<i>Đạt dưới 60%: 0 điểm</i>			
7.1.4	Ứng dụng phần mềm quản lý văn bản tại cơ quan, đơn vị	1,5		
	<i>Có sử dụng và cập nhật văn bản đến, văn bản đi của đơn vị đạt từ 90% số văn bản trở lên: 1,5 điểm</i>			
	<i>Có sử dụng và cập nhật văn bản đến, văn bản đi của đơn vị đạt từ 70% đến dưới 90% số văn bản trở lên: 1 điểm</i>			
	<i>Có sử dụng và cập nhật văn bản đến, văn bản đi của đơn vị đạt từ 50% đến dưới 70% số văn bản trở lên: 0,5 điểm</i>			
	<i>Có sử dụng và cập nhật văn bản đến, văn bản đi của đơn vị đạt dưới 50% số văn bản trở lên: 0 điểm</i>			
7.1.5	Cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của đơn vị theo Nghị định 43/2011/NĐ-CP	2		
	<i>Cập nhật thường xuyên, kịp thời theo quy định: 2 điểm</i>			
	<i>Cập nhật thường xuyên, không kịp thời: 1 điểm</i>			
	<i>Không cập nhật thường xuyên, không kịp thời: 0 điểm</i>			
7.2	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>	2		
7.2.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 2	1		
	<i>Từ 80% số hồ sơ TTHC trở lên: 1 điểm</i>			
	<i>Từ 50% - dưới 80% số hồ sơ TTHC trở lên: 0,5 điểm</i>			
	<i>Dưới 50% số hồ sơ TTHC : 0 điểm</i>			
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 3	1		
	<i>Từ 30% - dưới 40% số hồ sơ TTHC: 1 điểm</i>			
	<i>Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 0,5 điểm</i>			
	<i>Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0 điểm</i>			
7.3	<b>Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008</b>	5		
7.3.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo Quyết định số: 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ Tướng Chính phủ	2		
	<i>Thực hiện xây dựng quy trình cho toàn bộ các TTHC của đơn vị: 1 điểm</i>			
	<i>Thực hiện công bố theo quy định tại quyết định số 19/QĐ-TTg và thực hiện công bố lại hệ thống khi có số quy trình thay đổi: 1 điểm</i>			

	<i>Không thực hiện công bố theo quy định: 0 điểm</i>			
7.3.2	Duy trì hệ thống quản lý theo TCVN ISO 9001:2008	3		
	<i>Kiểm toàn lại ban chấp hành chỉ có thay đổi nhân sự: 0,5 điểm</i>			
	<i>Thực hiện đánh giá nội bộ, họp tạm xét việc áp dụng ISO 9001: 2008 của lãnh đạo hàng năm: 0,5 điểm</i>			
	<i>Thực hiện giải quyết công việc, lưu trữ sắp xếp hồ sơ, tài liệu theo quy trình đã ban hành đúng quy trình: 1 điểm</i>			
	<i>Các quy trình được cấp nhân sự nội thường xuyên, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật: 1 điểm</i>			
<b>8</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông</b>	<b>11</b>		
8.1	<b>Ban hành Quy chế thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa theo đúng quy định</b>	<b>1</b>		
	<i>Có ban hành: 1 điểm</i>			
	<i>Không ban hành: 0 điểm</i>			
8.2	<b>Thực hiện phân công và chi trả chế độ phụ cấp cho người trực tiếp làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</b>	<b>1,5</b>		
	<i>Có thực hiện đúng quy định: 1,5 điểm</i>			
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>			
8.3	<b>Bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</b>	<b>1</b>		
	<i>Bố trí phòng làm việc, đầy đủ trang thiết bị cần thiết: 1 điểm</i>			
	<i>Bố trí không đầy đủ: 0 điểm</i>			
8.4	<b>Thực hiện giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>	<b>2,5</b>		
8.4.1	<b>Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa tại UBND huyện, thành phố</b>	<b>1</b>		
	<i>100% số TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa : 1 điểm</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa : 0,5 điểm</i>			
	<i>Dưới 80% số TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa: 0 điểm</i>			
8.4.2	<b>Thực hiện giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông tại UBND huyện, thành phố</b>	<b>0,5</b>		
	<i>Có TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông: 0,5 điểm</i>			
	<i>Không có TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông: 0 điểm</i>			
8.4.3	<b>Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã thực hiện giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>	<b>1</b>		
	<i>100% đơn vị hành chính cấp xã thực hiện giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông: 1 điểm</i>			
	<i>Dưới 100% đơn vị hành chính cấp xã thực hiện giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông: 0 điểm</i>			
8.5	<b>Quản lý việc tiếp nhận, giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</b>	<b>5</b>		
8.5.1	<b>Công khai thông tin họ tên, chức vụ, số điện thoại,... người tiếp nhận hồ sơ TTHC</b>	<b>0,5</b>		
	<i>Có thực hiện công khai đầy đủ: 0,5 điểm</i>			
	<i>Không thực hiện công khai: 0 điểm</i>			
8.5.2	<b>Tiếp nhận hồ sơ có phiếu hẹn, phiếu kiểm soát hồ sơ theo quy định</b>	<b>1,5</b>		
	<i>Có phiếu hẹn, phiếu kiểm soát theo quy định: 0,5 điểm</i>			
	<i>Cập nhật đầy đủ, đúng quy định các thông tin trong phiếu hẹn, phiếu kiểm soát: 1 điểm</i>			
	<i>Không thực hiện đầy đủ, theo đúng quy định: 0 điểm</i>			

8.5.3	Theo dõi việc tiếp nhận và giải quyết TTHC trên sổ hoặc phần mềm	1		
	<i>Có sử dụng sổ theo dõi hoặc phần mềm một cửa điện tử: 0,5 điểm</i>			
	<i>Cập nhật, sử dụng thường xuyên, đầy đủ sổ theo dõi hoặc trên phần mềm một cửa điện tử: 0,5 điểm</i>			
	<i>Không sử dụng hoặc không cập nhật thông tin thường xuyên, đầy đủ: 0 điểm</i>			
8.5.4	Tỷ lệ số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn tại UBND huyện, thành phố	1		
	<i>100% số hồ sơ: 1 điểm</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số hồ sơ: 0,5 điểm</i>			
	<i>Dưới 80% số hồ sơ: 0 điểm</i>			
8.5.5	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã thực hiện giải quyết TTHC đúng hạn, trước hạn	1		
	<i>100% đơn vị cấp xã giải quyết TTHC đúng quy định: 1 điểm</i>			
	<i>Dưới 100% đơn vị cấp xã giải quyết TTHC đúng quy định: 0 điểm</i>			
<b>9</b>	<b>Điểm thưởng và điểm trừ</b>			
<b>9.1</b>	<b>Điểm thưởng</b>	<b>8</b>		
9.1.1	Thường xuyên đăng tải những nội dung về công tác CCHC tại bản tin của cơ quan hoặc trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan	1		
9.1.2	Có sáng kiến CCHC nổi bật, áp dụng trong năm được cấp có thẩm quyền công nhận	1		
9.1.3	Thực hiện gửi báo cáo chấm điểm chỉ số CCHC kèm theo tài liệu kiểm chứng đầy đủ, chính xác và sớm thời gian quy định ( <i>ít nhất 03 ngày làm việc so với thời gian quy định</i> )	1		
9.1.4	Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị đánh giá qua các hình thức khen thưởng	1		
	<i>Cờ thi đua của Chính phủ hoặc các hình thức khen cao của Nhà nước (Huân chương, Huy chương,...): 1 điểm</i>			
	<i>Cờ thi đua của UBND tỉnh hoặc Bộ chuyên ngành: 0,5 điểm</i>			
	<i>Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Bộ chuyên ngành: 0,25 điểm</i>			
	<i>* Trường hợp cơ quan có nhiều hình thức khen thưởng thì chấm điểm ở hình thức cao nhất</i>			
9.1.5	Tham mưu UBND tỉnh có những chính sách mang tính đột phá, tác động tốt đến sự phát triển của ngành hoặc của tỉnh	1		
9.1.6	Có những sáng kiến tiết kiệm được ngân sách và quy ra được giá trị cụ thể, có tác động tích cực đối với cơ quan, đơn vị ( <i>Mỗi sáng kiến được 0,5 điểm, tối đa không quá 01 điểm</i> )	1		
9.1.7	Tổ chức các lớp bồi dưỡng, triển khai các nội dung về CCHC đến CB, CC, VC; tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết chuyên đề về CCHC	0,5		
9.1.8	Tỷ lệ TTHC được đơn giản hoá đạt 30% (về mặt thời gian, thành phần hồ sơ, quy trình,...) trong năm thể hiện trên Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	0,5		
9.1.9	Đơn vị có thực hiện cung cấp hiệu quả dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	0,5		
9.1.10	Trong năm có thực hiện tinh giảm biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ	0,5		



9.2	<b>Điểm trừ</b>	8		
9.2.1	Gửi báo cáo chậm điểm kèm theo tài liệu kiểm chứng muộn thời gian quy định ( <i>quá 03 ngày làm việc</i> )	1		
9.2.2	Tài liệu kiểm chứng có các văn bản trên số (ví dụ: 11a,b,c,...) hoặc trùng số; sắp xếp tài liệu không khoa học, không xếp theo đúng các tiêu chí chứng minh	1		
9.2.3	Có đơn thư tố cáo, khiếu nại đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, những nhiễu của cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị	1		
9.2.4	Có sai phạm trong thực hiện các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đề báo đài và các phương tiện truyền thông phản ánh đúng sự thật	1		
9.2.5	Không thực hiện việc xin lỗi công dân hoặc không có văn bản giải thích cụ thể đối với các trường hợp hồ sơ trễ hẹn hoặc trả lại	1		
9.2.6	Thực hiện báo cáo không, không đúng số liệu, bị cấp trên phát hiện	0,5		
9.2.7	Cơ quan, đơn vị không hoàn thành các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao riêng trong kế hoạch hàng năm (của các ngành tư pháp, tài chính, khoa học công nghệ,...) liên quan đến nội dung của chương trình tổng thể CCHC	0,5		
9.2.8	Cơ quan, đơn vị được xếp hạng chỉ số CCHC thuộc nhóm trung bình hoặc nhóm yếu trong 3 năm liên tiếp ( <i>gồm 2 năm trước liền kề và năm đánh giá</i> )	1		
9.2.9	Thực hiện các nhiệm vụ công tác CCHC còn yếu, bị lãnh đạo UBND tỉnh phê bình, dư luận phản ánh	0,5		
9.2.10	Có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên	0,5		
<b>II</b>	<b>ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TÁC CCHC</b>	<b>15</b>		
<b>1</b>	<b>Kết quả công tác chỉ đạo điều hành CCHC của các UBND huyện, thành phố</b>	<b>2</b>		
	<i>Tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo điều hành CCHC</i>	0,5		
	<i>Chất lượng của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC</i>	1		
	<i>Việc bố trí nguồn lực (nhân lực, tài chính,...) phục vụ công tác CCHC</i>	0,5		
<b>2</b>	<b>Tác động đến chất lượng thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước</b>	<b>1</b>		
	<i>Tính khả thi, hiệu quả của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước do cơ quan ban hành</i>	0,5		
	<i>Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước</i>	0,5		
<b>3</b>	<b>Tác động đến tình hình giải quyết TTHC</b>	<b>2</b>		
	<i>Sự thuận tiện trong việc tìm hiểu thông tin về TTHC</i>	1		
	<i>Sự đơn giản, dễ thực hiện đối với mẫu đơn, mẫu tờ khai trong hồ sơ TTHC</i>	0,5		
	<i>Tình công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC</i>	0,5		
<b>4</b>	<b>Đánh giá tác động đến tổ chức bộ máy</b>	<b>2</b>		

	<i>Đánh giá về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị</i>	1		
	<i>Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị</i>	1		
<b>5</b>	<b>Đánh giá tác động đến đội ngũ công chức giải quyết TTHC</b>	<b>2</b>		
	<i>Về năng lực chuyên môn của công chức giải quyết TTHC</i>	1		
	<i>Đánh giá về tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ của công chức giải quyết TTHC</i>	0,5		
	<i>Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân</i>	0,5		
<b>6</b>	<b>Đánh giá cơ chế tài chính công</b>	<b>0,5</b>		
	<i>Việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngân sách nhà nước trong hoạt động của cơ quan, đơn vị</i>	0,5		
<b>7</b>	<b>Đánh giá mức độ hiện đại hoá nền hành chính</b>	<b>2</b>		
	<i>Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan</i>	0,5		
	<i>Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng thông tin của cơ quan</i>	0,5		
	<i>Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan</i>	1		
<b>8</b>	<b>Chất lượng phục vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</b>	<b>3,5</b>		
	<i>Đánh giá về cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</i>	1		
	<i>Thái độ phục vụ của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</i>	1		
	<i>Thời gian giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</i>	0,5		
	<i>Hiệu quả giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</i>	1		
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>100</b>		

**Phụ lục 3**  
**CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên)*

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
<b>I</b>	<b>ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC CỦA UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN</b>	<b>85</b>			
<b>1</b>	<b>Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC</b>	<b>12</b>			
<b>1.1</b>	<b>Kế hoạch CCHC hàng năm</b>	<b>5</b>			
1.1.1	Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành công tác CCHC hàng năm tại cơ quan <i>Có ban hành: 1 điểm</i> <i>Không ban hành: 0 điểm</i>	1			
1.1.2	Triển khai đầy đủ các nhiệm vụ CCHC theo các lĩnh vực do UBND huyện giao: 1 điểm	1			
1.1.3	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ triển khai CCHC hàng năm do UBND huyện phân công <i>Hoàn thành 100% nhiệm vụ: 2 điểm</i> <i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% nhiệm vụ: 1 điểm</i> <i>Hoàn thành dưới 80% nhiệm vụ: 0 điểm</i>	2			
1.1.4	Thực hiện công tác báo cáo kết quả thực hiện CCHC theo yêu cầu của UBND huyện, thành phố <i>Thực hiện đúng quy định, đảm bảo nội dung, thời gian: 1 điểm</i> <i>Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>	1			
<b>1.2</b>	<b>Phân công nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành công tác CCHC:</b> <i>Phân công trách nhiệm đúng quy định: 1 điểm</i> <i>Không phân công trách nhiệm: 0 điểm</i>	<b>1</b>			
<b>1.3</b>	<b>Kiểm tra công tác CCHC</b>	<b>5</b>			
1.3.1	Thực hiện tự kiểm tra CCHC đối với các bộ phận trực thuộc <i>Có tổ chức kiểm tra: 1 điểm</i> <i>Không tổ chức kiểm tra: 0 điểm</i>	1			
1.3.2	Thực hiện đúng theo nội dung kế hoạch tự kiểm tra ( <i>thể hiện qua biên bản, thông báo, kết luận kiểm tra</i> ) <i>Thực hiện 100% kế hoạch: 2 điểm</i> <i>Thực hiện từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 1 điểm</i> <i>Thực hiện dưới 70% kế hoạch: 0 điểm</i>	2			
1.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra ( <i>có kết luận hoặc biện pháp xử lý qua kiểm tra</i> ) <i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 2 điểm</i> <i>Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm</i> <i>Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>	2			

1.4	<b>Thực hiện tuyên truyền về cải cách hành chính</b>	1		
	Có thực hiện tuyên truyền CCHC: 1 điểm			
	Không thực hiện tuyên truyền CCHC: 0 điểm			
2	<b>Cải cách thể chế</b>	8		
2.1	<b>Thực hiện xây dựng và ban hành văn bản QPPL đảm bảo đúng thẩm quyền, đúng quy trình.</b>	1		
	100% VBQPPL ban hành trong năm thực hiện theo đúng thẩm quyền, đúng quy trình: 1 điểm			
	Dưới 100% VBQPPL ban hành trong năm thực hiện theo đúng thẩm quyền, đúng quy trình: 0 điểm			
2.2	<b>Theo dõi thi hành pháp luật</b>	4		
2.2.1	<b>Xây dựng kế hoạch theo dõi việc thi hành pháp luật</b>	1		
	Có xây dựng kế hoạch (hoặc lồng ghép nội dung trong kế hoạch chung của cơ quan đáp ứng yêu cầu thực hiện theo dõi việc thi hành pháp luật trong kế hoạch của UBND huyện): 1 điểm			
	Không ban hành kế hoạch: 0 điểm			
2.2.2	<b>Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật</b>	1		
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm			
	Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0,5 điểm			
	Hoàn thành từ 70% - dưới 80% kế hoạch: 0,25 điểm			
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0 điểm			
2.2.3	<b>Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật</b>	1		
	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 1 điểm			
	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0 điểm			
2.2.4	<b>Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật</b>	1		
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm			
	Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm			
	Từ 70% - dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25 điểm			
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm			
2.3	<b>Rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL</b>	1,5		
2.3.1	<b>Xây dựng kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL</b>	0,5		
	Có xây dựng kế hoạch (hoặc lồng ghép nội dung trong kế hoạch chung của cơ quan đáp ứng yêu cầu về rà soát, hệ thống hóa VBQPPL trong kế hoạch của UBND huyện): 0,5 điểm			
	Không ban hành kế hoạch: 0 điểm			
2.3.2	<b>Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL</b>	0,5		
	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5 điểm			
	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0 điểm			
2.3.3	<b>Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL</b>	0,5		
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm			

	Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25 điểm			
	Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm			
<b>2.4</b>	<b>Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật</b>	<b>1,5</b>		
2.4.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL	0,5		
	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5 điểm			
	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0 điểm			
2.4.2	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1		
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm			
	Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm			
	Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm			
<b>3</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>	<b>10</b>		
<b>3.1</b>	<b>Triển khai thực hiện công tác kiểm soát TTHC (theo các nội dung trong kế hoạch hàng năm của UBND cấp huyện)</b>	<b>4</b>		
3.1.1	Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện	1		
	Có ban hành văn bản triển khai đúng quy định: 1 điểm			
	Không có văn bản triển khai: 0 điểm			
3.1.2	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đề ra	2		
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 2 điểm			
	Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 1 điểm			
	Thực hiện dưới 80% kế hoạch: 0 điểm			
3.1.3	Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của UBND cấp huyện	1		
	Thực hiện đúng quy định: 1 điểm			
	Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm			
<b>3.2</b>	<b>Cập nhật, niêm yết TTHC</b>	<b>4</b>		
3.2.1	Cập nhật, niêm yết TTHC đầy đủ, đúng quy định	2		
	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 2 điểm			
	Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0 điểm			
3.2.2	Tỷ lệ số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.	2		
	100% số TTHC: 2 điểm			
	Dưới 100% số TTHC: 0 điểm			
<b>3.3</b>	<b>Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC</b>	<b>2</b>		
3.3.1	Niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC tại trụ sở UBND xã	1		
	Thực hiện đúng quy định: 1 điểm			
	Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm			
3.3.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền xử lý của UBND xã	1		
	100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm			
	Dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm			

4	<b>Cải cách tổ chức bộ máy</b>	7		
4.1	<b>Tuân thủ các quy định của Trung ương, của tỉnh, huyện về tổ chức bộ máy</b>	1		
4.1.1	Về tổ chức bộ máy	0,5		
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định: 0,5 điểm</i>			
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0 điểm</i>			
4.1.2	Thực hiện các quy định về biên chế, sử dụng lao động	0,5		
	<i>Sử dụng đúng, tiết kiệm biên chế được giao: 0,5 điểm</i>			
	<i>Sử dụng không đúng: 0 điểm</i>			
4.2	<b>Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của đơn vị</b>	4		
4.2.1	Xây dựng kế hoạch, chương trình tự kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan	1		
	<i>Có kế hoạch kiểm tra: 1 điểm</i>			
	<i>Không có kế hoạch kiểm tra: 0 điểm</i>			
4.2.2	Thực hiện việc kiểm tra theo nội dung kế hoạch đã ban hành (Biên bản, thông báo, kết luận kiểm tra,...)	2		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 2 điểm</i>			
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch, chương trình: 1 điểm</i>			
	<i>Thực hiện dưới 70% kế hoạch: 0 điểm</i>			
4.2.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm</i>			
	<i>Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>			
4.3	<b>Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao</b>	2		
4.3.1	Ban hành quy chế làm việc của cơ quan đúng quy định	1		
	<i>Có ban hành: 1 điểm</i>			
	<i>Không ban hành: 0 điểm</i>			
4.3.2	Thực hiện đúng quy chế làm việc	1		
	<i>Thực hiện đúng theo quy chế làm việc: 1 điểm</i>			
	<i>Không thực hiện đúng quy chế làm việc: 0 điểm</i>			
5	<b>Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách</b>	15		
5.1	<b>Bố trí, quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách</b>	7		
5.1.1	Thực hiện bố trí, sử dụng đúng số lượng, đúng trình độ chuyên môn	2		
	<i>Bố trí phù hợp, đúng quy định: 2 điểm</i>			
	<i>Không bố trí phù hợp: 0 điểm</i>			
5.1.2	Thực hiện quy định về bố trí tập sự, thử việc cho công chức mới tuyển dụng; bổ nhiệm chính thức vào ngạch theo đúng quy định	1		
	<i>Đúng quy định: 1 điểm</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>			

5.1.3	Quản lý, cập nhật hồ sơ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách đầy đủ, đúng quy định <i>Có thực hiện đúng quy định: 2 điểm</i> <i>Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>	2			
5.1.4	Thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách <i>Đúng quy định: 2 điểm</i> <i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>	2			
5.2	<b>Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức</b>	3			
5.2.1	Thực hiện công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức hàng năm thuộc thẩm quyền theo quy định của UBND tỉnh và hướng dẫn của UBND cấp huyện <i>Đúng quy định: 1 điểm</i> <i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>	1			
5.2.2	Đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức qua kết quả thực hiện nhiệm vụ <i>100% hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 2 điểm</i> <i>Từ 80% đến dưới 100% hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 1 điểm</i> <i>Dưới 80% hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 0 điểm</i>	2			
5.3	<b>Cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng do tỉnh, huyện tổ chức</b> <i>Tham gia đầy đủ: 2 điểm</i> <i>Không tham gia đầy đủ: 0 điểm</i>	2			
5.4	<b>Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức xã</b>	3			
5.4.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã <i>100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 1 điểm</i> <i>Dưới 100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0 điểm</i>	1			
5.4.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã <i>100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 1 điểm</i> <i>Dưới 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0 điểm</i>	1			
5.4.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm <i>Từ 90% số cán bộ, công chức trở lên: 1 điểm</i> <i>Dưới 90% số cán bộ, công chức: 0 điểm</i>	1			
6	<b>Cải cách tài chính công</b>	4			
6.1	<b>Xây dựng, công khai dự toán và quyết toán tài chính hàng năm theo quy định</b> <i>Có thực hiện: 1 điểm</i> <i>Không thực hiện: 0 điểm</i>	1			
6.2	<b>Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ</b> <i>Có ban hành đúng quy định: 1 điểm</i> <i>Không ban hành hoặc ban hành không đúng quy định: 0 điểm</i>	1			

6.3	<b>Thực hiện quy định về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính</b>	1		
	Đúng quy định: 1 điểm			
	Không đúng quy định: 0 điểm			
6.4	<b>Thực hiện tiết kiệm chi phí tăng thu nhập cho cán bộ, công chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị</b>	1		
	Có thực hiện: 1 điểm			
	Không thực hiện: 0 điểm			
7	<b>Hiện đại hóa nền hành chính</b>	6		
7.1	<b>Tỷ lệ cán bộ, công chức được trang bị máy tính riêng để xử lý công việc</b>	2		
	100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính riêng: 2 điểm			
	Dưới 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính riêng: 0 điểm			
7.2	<b>Việc sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc</b>	1		
	Có sử dụng: 0,5 điểm			
	Sử dụng thường xuyên, hiệu quả: 0,5 điểm			
	Không sử dụng hoặc sử dụng không thường xuyên: 0 điểm			
7.3	<b>Tỷ lệ văn bản được trao đổi dưới dạng thư điện tử</b>	1		
	Từ 80% số văn bản trở lên: 1 điểm			
	Từ 60% - dưới 80% số văn bản: 0,5 điểm			
	Dưới 60% số văn bản: 0 điểm			
7.4	<b>Ứng dụng phần mềm quản lý văn bản tại cơ quan, đơn vị</b>	2		
	Có triển khai ứng dụng: 2 điểm			
	Không triển khai ứng dụng: 0 điểm			
8	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông</b>	15		
8.1	<b>Ban hành Quy chế thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa theo đúng quy định</b>	2		
	Có ban hành: 2 điểm			
	Không ban hành: 0 điểm			
8.2	<b>Thực hiện phân công và chi trả chế độ phụ cấp cho người trực tiếp làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</b>	2		
	Có thực hiện đúng quy định: 2 điểm			
	Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm			
8.3	<b>Bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</b>	2		
	Bố trí phòng làm việc, đầy đủ trang thiết bị cần thiết: 2 điểm			
	Bố trí không đầy đủ: 0 điểm			
8.4	<b>Giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>	3		
8.4.1	<b>Tỷ lệ TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa</b>	2		
	100% số TTHC theo cơ chế một cửa: 2 điểm			
	Dưới 100% số TTHC theo cơ chế một cửa: 0 điểm			
8.4.2	<b>Thực hiện giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông</b>	1		



	<i>Có triển khai thực hiện: 1 điểm</i>			
	<i>Không triển khai: 0 điểm</i>			
<b>8.5</b>	<b>Quản lý việc tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>6</b>		
8.5.1	Công khai thông tin họ tên, chức vụ, số điện thoại,... người tiếp nhận hồ sơ TTHC	1		
	<i>Có thực hiện công khai đầy đủ: 1 điểm</i>			
	<i>Không thực hiện công khai: 0 điểm</i>			
8.5.2	Tiếp nhận hồ sơ có phiếu hẹn, phiếu kiểm soát hồ sơ theo quy định	1,5		
	<i>Có phiếu hẹn, phiếu kiểm soát theo quy định: 0,5 điểm</i>			
	<i>Cập nhật đầy đủ, đúng quy định các thông tin trong phiếu hẹn, phiếu kiểm soát: 1 điểm</i>			
	<i>Không thực hiện đầy đủ, theo đúng quy định: 0 điểm</i>			
8.5.3	Theo dõi việc tiếp nhận và giải quyết TTHC trên số hoặc phần mềm	1,5		
	<i>Có sử dụng số theo dõi hoặc phần mềm một cửa điện tử: 0,5 điểm</i>			
	<i>Cập nhật, sử dụng thường xuyên, đầy đủ số theo dõi hoặc trên phần mềm một cửa điện tử: 1 điểm</i>			
	<i>Không sử dụng hoặc không cập nhật thông tin thường xuyên, đầy đủ: 0 điểm</i>			
8.5.4	Tỷ lệ số TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn tại UBND cấp xã	2		
	<i>100% số hồ sơ: 2 điểm</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số hồ sơ: 1 điểm</i>			
	<i>Dưới 80% số hồ sơ: 0</i>			
<b>9</b>	<b>Điểm thưởng và điểm trừ</b>			
<b>9.1</b>	<b>Điểm thưởng</b>	<b>8</b>		
9.1.1	Thường xuyên đăng tải những nội dung về công tác CCHC tại bảng tin của cơ quan	1		
9.1.2	Thực hiện gửi báo cáo chấm điểm chỉ số CCHC kèm theo tài liệu kiểm chứng đầy đủ, chính xác và sớm thời gian quy định (ít nhất 03 ngày làm việc so với thời gian quy định)	1		
9.1.3	Cơ quan có đầu tư, mua sắm các trang thiết bị xây dựng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại (không bao gồm các trang thiết bị được tính, huyện đầu tư)	1		
9.1.4	Có sáng kiến CCHC nổi bật, áp dụng trong năm được cấp có thẩm quyền công nhận	1		
9.1.5	Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị đánh giá qua các hình thức khen thưởng:	1		
	<i>Cờ thi đua của Chính phủ hoặc các hình thức khen cao của Nhà nước (Huân chương, Huy chương,...): 1 điểm</i>			
	<i>Cờ thi đua của UBND tỉnh hoặc Bộ chuyên ngành: 0,5 điểm</i>			
	<i>Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Bộ chuyên ngành: 0,25 điểm</i>			
	<i>* Trường hợp cơ quan có nhiều hình thức khen thưởng thì chấm điểm ở hình thức cao nhất</i>			
9.1.6	Tham mưu UBND cấp huyện, cấp tỉnh những chính sách mang tính đột phá, tác động tốt đến sự phát triển của đơn vị, của ngành hoặc của tỉnh	1		
9.1.7	Có những sáng kiến tiết kiệm được ngân sách và quy ra được giá trị cụ thể, có tác động tích cực đối với cơ quan, đơn vị (Mỗi sáng kiến được 0,5 điểm, tối đa không quá 01 điểm)	1		
9.1.8	Trong năm có thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ	1		

9.2	<b>Điểm trừ</b>	<b>8</b>		
9.2.1	Gửi báo cáo chấm điểm kèm theo tài liệu kiểm chứng muộn thời gian quy định ( <i>quá 03 ngày làm việc so với thời gian quy định</i> )	1		
9.2.2	Tài liệu kiểm chứng có các văn bản trên số (ví dụ: 1 la,b,c,...) hoặc trùng số; sắp xếp tài liệu không khoa học, không xếp theo đúng các tiêu chí chứng minh	1		
9.2.3	Có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu của cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách trong đơn vị	1		
9.2.4	Có sai phạm trong thực hiện các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan để báo đài và các phương tiện truyền thông phản ánh đúng sự thật	1		
9.2.5	Không thực hiện việc xin lỗi công dân hoặc không có văn bản giải thích cụ thể đối với các trường hợp hồ sơ trễ hẹn hoặc trả lại	1		
9.2.6	Thực hiện báo cáo không, không đúng số liệu, bị cấp trên phát hiện	1		
9.2.7	Cơ quan, đơn vị được xếp hạng chỉ số CCHC thuộc nhóm trung bình hoặc nhóm yếu trong 3 năm liên tiếp ( <i>gồm 2 năm trước liền kề và năm đánh giá</i> )	1		
9.2.8	Thực hiện các nhiệm vụ công tác CCHC còn yếu, bị lãnh đạo UBND huyện, tỉnh phê bình, dư luận phản ánh	0,5		
9.2.9	Có cán bộ, công chức vi phạm bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên	0,5		
<b>II</b>	<b>ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC</b>	<b>15</b>		
<b>1</b>	<b>Kết quả công tác chỉ đạo điều hành CCHC của UBND xã</b>	<b>2</b>		
	Tính hiệu quả trong phân công nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành CCHC	0,5		
	Chất lượng của các văn bản chỉ đạo, điều hành, triển khai CCHC	1		
	Việc bố trí nguồn lực (nhân lực, tài chính,...) phục vụ công tác CCHC	0,5		
<b>2</b>	<b>Tác động đến chất lượng thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước</b>	<b>1</b>		
	Tính khả thi, hiệu quả của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước do cơ quan ban hành	0,5		
	Kịp thời phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước	0,5		
<b>3</b>	<b>Tác động đến tình hình giải quyết TTHC</b>	<b>2</b>		
	Sự thuận tiện trong việc tìm hiểu thông tin về TTHC được niêm yết tại trụ sở UBND xã	1		
	Tính công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC	1		
<b>4</b>	<b>Đánh giá tác động đến tổ chức bộ máy</b>	<b>2</b>		
	Đánh giá về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị	1		
	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị	1		
<b>5</b>	<b>Đánh giá tác động đến đội ngũ công chức giải quyết TTHC</b>	<b>2</b>		
	Về năng lực chuyên môn của công chức giải quyết TTHC	1		
	Đánh giá về tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ của công chức giải quyết TTHC	0,5		

	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân	0,5			
<b>6</b>	<b>Đánh giá cơ chế tài chính công</b>	<b>0,5</b>			
	Việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngân sách nhà nước trong hoạt động của cơ quan, đơn vị	0,5			
<b>7</b>	<b>Đánh giá mức độ hiện đại hóa nền hành chính</b>	<b>2</b>			
	Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan	0,5			
	Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng thông tin của cơ quan	0,5			
	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan	1			
<b>8</b>	<b>Chất lượng phục vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</b>	<b>3,5</b>			
	Đánh giá về cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1			
	Thái độ phục vụ của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1			
	Thời gian giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5			
	Hiệu quả giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1			
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>100</b>			

